

Số: 3295/TB-ĐHĐN

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO

Mức thu học phí năm học 2025 - 2026 tại các đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc Đại học Đà Nẵng

Thực hiện Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị quyết số 49/NQ-HĐDH ngày 22/8/2025 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) về việc thông qua mức thu học phí năm học 2025 - 2026 của các trường đại học thành viên và đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc ĐHĐN, Giám đốc ĐHĐN thông báo mức thu học phí năm học 2025 - 2026 đối với các đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc ĐHĐN như sau:

STT	Tên trường, hệ đào tạo	Mức thu
1	TRƯỜNG Y DƯỢC (Đơn giá tín chỉ không bao gồm học phí GDQP&AN)	
1.1	Khóa 2024 trở về trước	
1.1.1	Khối ngành VI.2	
a.	Ngành Y Khoa	833.000 đồng/tín chỉ
b.	Ngành Dược học	
	Khóa 21, 22, 23	818.600 đồng/tín chỉ
	Khóa 24	814.000 đồng/tín chỉ
c.	Ngành Răng Hàm Mặt	
	Khóa 21, 22, 23	939.000 đồng/tín chỉ
	Khóa 24	929.600 đồng/tín chỉ
1.1.2	Khối ngành VI.1	
a.	Ngành Điều dưỡng	
	Khóa 22	635.600 đồng/tín chỉ
	Khóa 22, 23	682.000 đồng/tín chỉ
b.	Ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y học	672.000 đồng/tín chỉ
1.2	Khóa 2025	
1.2.1	Khối ngành VI.2	
	Ngành Y Khoa	833.000 đồng/tín chỉ
	Ngành Dược học	814.000 đồng/tín chỉ
	Ngành Răng Hàm Mặt	929.600 đồng/tín chỉ
1.2.2	Khối ngành VI.1	
	Ngành Điều dưỡng	682.000 đồng/tín chỉ
	Ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y học	672.000 đồng/tín chỉ

	Ngành Hóa dược	682.000 đồng/tín chỉ
1.2.3	Khối ngành VII	
	Ngành Tâm lý học	485.000 đồng/tín chỉ
1.3	Lưu học sinh Lào, Campuchia	
	Khối ngành Y-Dược	31.100.000 đồng/năm học
1.4	Hệ liên thông vừa học, vừa làm	
	Khối ngành VI.1	
	Ngành Điều dưỡng	
a.	Khóa 2024	821.000 đồng/tín chỉ
b.	Khóa 2025	821.000 đồng/tín chỉ
2	TRUNG TÂM ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN	
2.1	Đào tạo từ xa – Trình độ Đại học	
2.1.1	Đối với Khóa 30 trở về trước (Số tín chỉ không bao gồm tín chỉ GDTC và GDQP)	
2.1.1.1	Đối với học kỳ bình thường	
	Khối ngành III	
	Luật	270.000 đồng/tín chỉ
	Kế toán	260.000 đồng/tín chỉ
	Quản trị kinh doanh	260.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành VII	
	Ngôn ngữ Anh	250.000 đồng/tín chỉ
	Quản lý nhà nước	260.000 đồng/tín chỉ
2.1.1.2	Đối với học kỳ thực tập, làm chuyên đề	
	Khối ngành III	Đối với học kỳ thực tập, làm chuyên đề thực hiện thu 4.960.000 đồng/học viên.
	Luật	
	Kế toán	
	Quản trị kinh doanh	
	Khối ngành VII	
	Quản lý nhà nước	
2.1.2	Đối với khóa 31.1 và 31.2 (Số tín chỉ đã bao gồm tín chỉ GDTC và GDQP)	
2.1.2.1	Đối với học kỳ bình thường	
	Khối ngành III	
	Kế toán	260.000 đồng/tín chỉ
	Quản trị Kinh doanh	260.000 đồng/tín chỉ
	Luật	270.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành VII	
	Ngôn ngữ Anh	250.000 đồng/tín chỉ
	Quản lý nhà nước	260.000 đồng/tín chỉ
2.1.2.2	Đối với học kỳ thực tập, làm chuyên đề	
	Khối ngành III	Đối với học kỳ thực tập, làm chuyên đề thực hiện thu 4.960.000 đồng/học viên.
	Kế toán	
	Quản trị Kinh doanh	

	Luật	
	Khối ngành VII	
	Quản lý nhà nước	
2.1.3	Đối với Khóa 31.3 đến 32.3 (Số tín chỉ chưa bao gồm tín chỉ GDQP)	
	Khối ngành III	
	Kế toán	340.000 đồng/tín chỉ
	Quản trị Kinh doanh	340.000 đồng/tín chỉ
	Luật	340.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành VII	
	Ngôn ngữ Anh	320.000 đồng/tín chỉ
	Quản lý Nhà nước	340.000 đồng/tín chỉ
2.1.4	Đối với khóa 32.4 tuyển mới trở về sau (Học phí trọn khóa bao gồm tín chỉ GDQP)	
	Khối ngành III	
	Luật	360.000 đồng/tín chỉ
	Kế toán	360.000 đồng/tín chỉ
	Quản trị kinh doanh	360.000 đồng/tín chỉ
	Thương mại điện tử	360.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành VII	
	Ngôn ngữ Anh	340.000 đồng/tín chỉ
	Quản lý Nhà nước	360.000 đồng/tín chỉ
2.2	Đào tạo từ xa – Liên thông trình độ Đại học	
2.2.1	Đối với Khóa 30 trở về trước	
2.2.1.1	Đối với học kỳ bình thường	
a.	Khối ngành III	
	Luật	270.000 đồng/tín chỉ
	Kế toán	
	Từ trung cấp lên ĐH	260.000 đồng/tín chỉ
	Từ cao đẳng lên ĐH	260.000 đồng/tín chỉ
	Từ ĐH khối ngành kinh tế	260.000 đồng/tín chỉ
	Từ ĐH khối ngành khác	260.000 đồng/tín chỉ
b.	Khối ngành VII	
	Ngôn ngữ Anh	250.000 đồng/tín chỉ
	Quản lý nhà nước	260.000 đồng/tín chỉ
2.2.1.2	Đối với học kỳ thực tập, làm chuyên đề	
	Khối ngành III	Đối với học kỳ thực tập, làm chuyên đề thực hiện thu 4.960.000 đồng/học viên.
	Luật	
	Kế toán	
	Khối ngành VII	
	Quản lý nhà nước	
2.2.2	Đối với khóa 31.1 và 31.2	
2.2.2.1	Đối với học kỳ bình thường	
	Khối ngành III	

	Kế toán	260.000 đồng/tín chỉ
	Quản trị Kinh doanh	260.000 đồng/tín chỉ
	Luật	270.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành VII	
	Ngôn ngữ Anh	250.000 đồng/tín chỉ
	Quản lý nhà nước	260.000 đồng/tín chỉ
2.2.2.2	Đối với học kỳ thực tập, làm chuyên đề	
	Khối ngành III	Đối với học kỳ thực tập, làm chuyên đề thực hiện thu 4.960.000 đồng/học viên.
	Kế toán	
	Quản trị Kinh doanh	
	Luật	
	Khối ngành VII	
	Quản lý nhà nước	
2.2.3	Đối với khoá 31.3 đến 32.3	
2.2.3.1	Khối ngành III	
	Kế toán	340.000 đồng/tín chỉ
	Quản trị Kinh doanh	340.000 đồng/tín chỉ
	Luật	340.000 đồng/tín chỉ
2.2.3.2	Khối ngành VII	
	Ngôn ngữ Anh	320.000 đồng/tín chỉ
	Quản lý Nhà nước	340.000 đồng/tín chỉ
2.2.4	Đối với khóa 32.4 tuyển mới trở về sau (Học phí trọn khóa)	
2.2.4.1	Khối ngành III	
a.	Luật	
	Từ trung cấp lên ĐH	360.000 đồng/tín chỉ
	Từ cao đẳng lên ĐH và tốt nghiệp ĐH nước ngoài	360.000 đồng/tín chỉ
	Tốt nghiệp ĐH trong nước	360.000 đồng/tín chỉ
b.	Kế toán	
	Từ trung cấp lên ĐH	360.000 đồng/tín chỉ
	Từ cao đẳng lên ĐH và tốt nghiệp ĐH nước ngoài	360.000 đồng/tín chỉ
	Tốt nghiệp ĐH trong nước	360.000 đồng/tín chỉ
c.	Quản trị kinh doanh	
	Từ trung cấp lên ĐH	360.000 đồng/tín chỉ
	Từ cao đẳng lên ĐH và tốt nghiệp ĐH nước ngoài	360.000 đồng/tín chỉ
	Tốt nghiệp ĐH trong nước	360.000 đồng/tín chỉ
d.	Thương mại điện tử	
	Từ trung cấp lên ĐH	360.000 đồng/tín chỉ
	Từ cao đẳng lên ĐH và tốt nghiệp ĐH nước ngoài	360.000 đồng/tín chỉ
	Tốt nghiệp ĐH trong nước	360.000 đồng/tín chỉ
2.2.4.2	Khối ngành VII	

a.	Ngôn ngữ Anh	
	Tốt nghiệp ĐH nước ngoài	340.000 đồng/tín chỉ
	Tốt nghiệp ĐH trong nước	340.000 đồng/tín chỉ
b.	Quản lý nhà nước	
	Từ trung cấp lên ĐH	360.000 đồng/tín chỉ
	Từ cao đẳng lên ĐH và tốt nghiệp ĐH nước ngoài	360.000 đồng/tín chỉ
	Tốt nghiệp ĐH trong nước	360.000 đồng/tín chỉ
3	TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ THỂ THAO	1.600.000 đồng/sinh viên/khóa học (8 tín chỉ)
4	KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT	Căn cứ mức thu học phí đối với các khối ngành đào tạo trình độ đại học tại cơ sở giáo dục đại học công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.
5	PHÂN HIỆU ĐHĐN TẠI KON TUM	
5.1	ĐH hệ chính quy	
5.1.1	Khóa nhập học tuyển sinh năm 2022 trở về trước	
	Khối ngành I	
	Giáo dục tiểu học	439.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành III	
	Kế toán	466.000 đồng/tín chỉ
	Quản trị kinh doanh	455.000 đồng/tín chỉ
	Tài chính ngân hàng	452.000 đồng/tín chỉ
	Luật kinh tế	452.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành V	
	Công nghệ thông tin	509.000 đồng/tín chỉ
	Kỹ thuật xây dựng	509.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành VII	
	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	481.000 đồng/tín chỉ
	Quản lý nhà nước	496.000 đồng/tín chỉ
5.1.2	Khóa nhập học tuyển sinh năm 2023 trở về sau	
	Khối ngành I	
	Giáo dục tiểu học	424.000 đồng/tín chỉ
	Giáo dục mầm non	424.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành III	
	Kế toán	466.000 đồng/tín chỉ
	Thương mại điện tử	466.000 đồng/tín chỉ
	Quản trị kinh doanh	455.000 đồng/tín chỉ
	Tài chính ngân hàng	452.000 đồng/tín chỉ
	Luật kinh tế	452.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành V	
	Công nghệ thông tin	509.000 đồng/tín chỉ

11/01/2022



	Kỹ thuật xây dựng	509.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành VII	
	Quản lý nhà nước	500.000 đồng/tín chỉ
	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	481.000 đồng/tín chỉ
5.2	ĐH hệ vừa làm vừa học	
5.2.1	Đại học	
	Khóa nhập học tuyển sinh năm 2021 trở về sau	
	Khối ngành I	
	Giáo dục tiểu học	555.000 đồng/tín chỉ
	Giáo dục mầm non	555.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành III	
	Kế toán	609.000 đồng/tín chỉ
	Luật kinh tế	591.000 đồng/tín chỉ
	Quản trị kinh doanh	596.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành V	
	Công nghệ thông tin	666.000 đồng/tín chỉ
	Kỹ thuật xây dựng	666.000 đồng/tín chỉ
5.2.2	Đại học liên thông từ Trung cấp - Đại học	
	Khóa nhập học tuyển sinh năm 2021 trở về sau	
	Khối ngành I	
	Giáo dục tiểu học	555.000 đồng/tín chỉ
	Giáo dục mầm non	555.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành III	
	Kế toán	609.000 đồng/tín chỉ
	Luật kinh tế	591.000 đồng/tín chỉ
	Quản trị kinh doanh	596.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành V	
	Công nghệ thông tin	666.000 đồng/tín chỉ
	Kỹ thuật xây dựng	666.000 đồng/tín chỉ
5.2.3	Đại học liên thông từ Cao đẳng - Đại học	
	Khóa nhập học tuyển sinh năm 2021 trở về sau	
	Khối ngành I	
	Giáo dục tiểu học	555.000 đồng/tín chỉ
	Giáo dục mầm non	555.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành III	
	Kế toán	609.000 đồng/tín chỉ
	Luật kinh tế	591.000 đồng/tín chỉ
	Quản trị kinh doanh	596.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành V	
	Công nghệ thông tin	666.000 đồng/tín chỉ
	Kỹ thuật xây dựng	666.000 đồng/tín chỉ
5.2.4	Đại học liên thông người có bằng đại học (văn bằng 2)	
	Khóa nhập học tuyển sinh năm 2021 trở về sau	

	Khối ngành I	
	Giáo dục tiểu học	555.000 đồng/tín chỉ
	Giáo dục mầm non	555.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành III	
	Kế toán	609.000 đồng/tín chỉ
	Luật kinh tế	591.000 đồng/tín chỉ
	Quản trị kinh doanh	596.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành V	
	Công nghệ thông tin	666.000 đồng/tín chỉ
	Kỹ thuật xây dựng	666.000 đồng/tín chỉ
Học phí GDQP&AN tại các đơn vị được thu theo thông báo của đơn vị tổ chức đào tạo.		

Yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc ĐHQĐN triển khai thực hiện theo quy định của Thông báo này./

Nơi nhận:

- Các đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc (để th/hiện);
- Giám đốc (để b/cáo);
- Lưu: VT, KH-TC.

**TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN BAN KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH**



ThS. Nguyễn Văn Hân

